

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Suất ăn Hàng không Nội Bài

Ngày 31/12/2025	38,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-4.7%	-5.9%	24.1%

DT thuần Q4/25	237	tỷ VNĐ
	QoQ: ▲ 8.00 3.4%	YoY: ▲ 43.0 22.0%

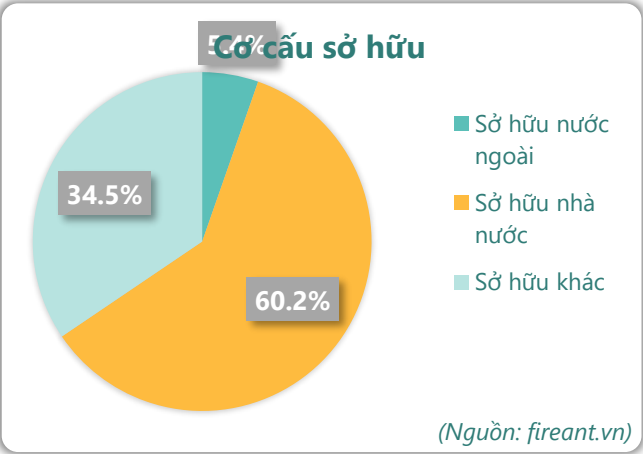
LN thuần Q4/25	20.9	tỷ VNĐ
	QoQ: ▼1.40 -6.3%	YoY: ▲ 3.20 18.0%

LN sau thuế Q4/25	16.1	tỷ VNĐ
	QoQ: ▼1.00 -5.9%	YoY: ▲ 3.30 25.7%

Tỷ suất lãi EBIT 2025	10.6%
	YoY: +/- ▼ 0.2%

ROE 2025	32.2%
	YoY: +/- ▼ 3.1%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	23,000 - 44,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	693
Số lượng CPLH (CP)	17,948,210
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,935
Sở hữu nước ngoài	5.4%
Beta	0.13
EPS	3,792
P/E	10.2



DT thuần

2025

875

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 143 | 19.5%

LN thuần

2025

85.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 18.4 | 27.2%

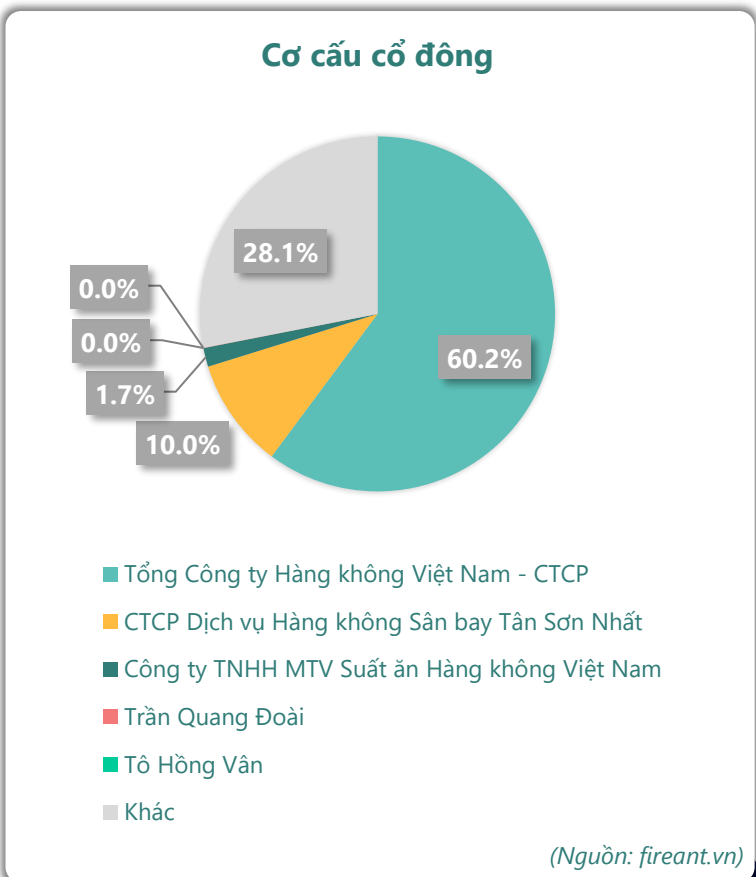
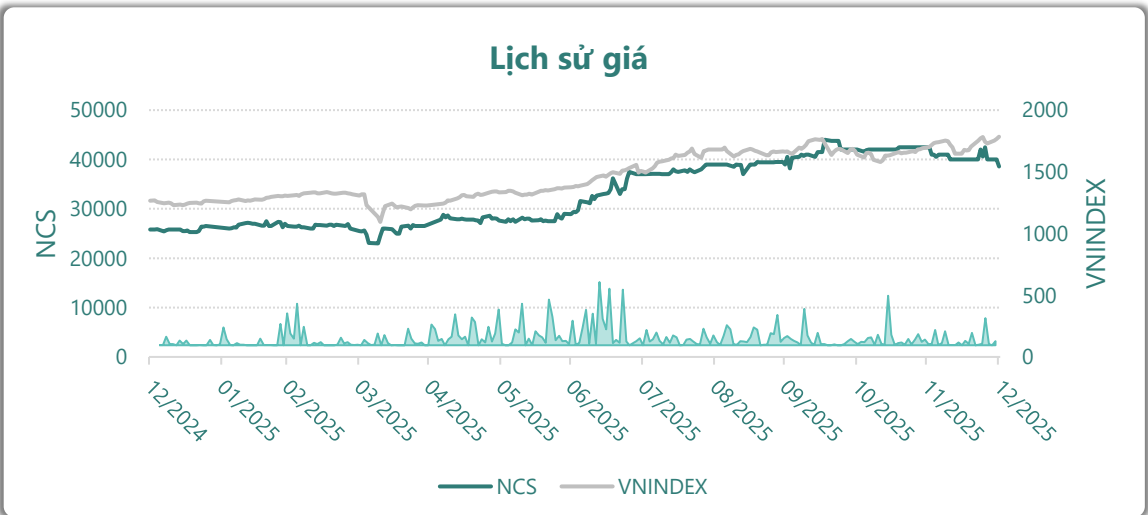
LN sau thuế

2025

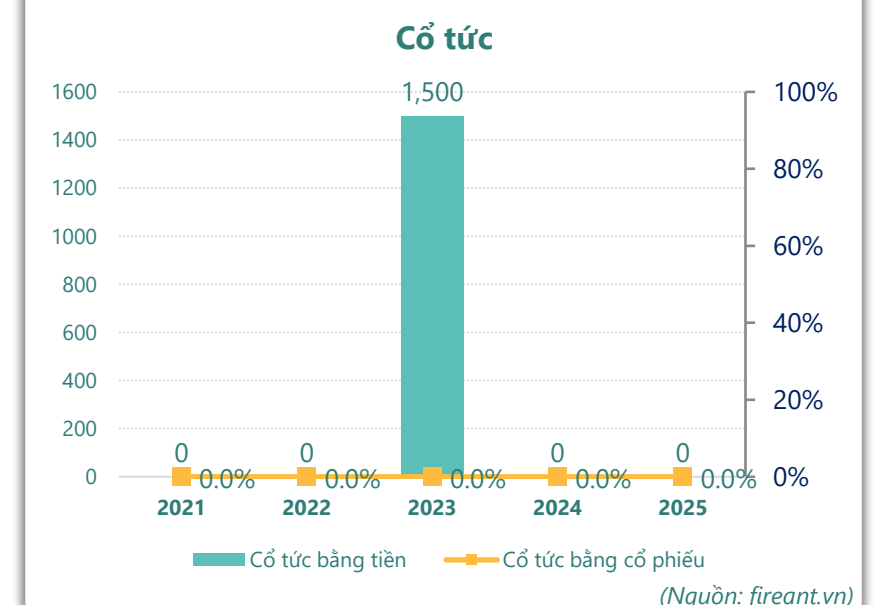
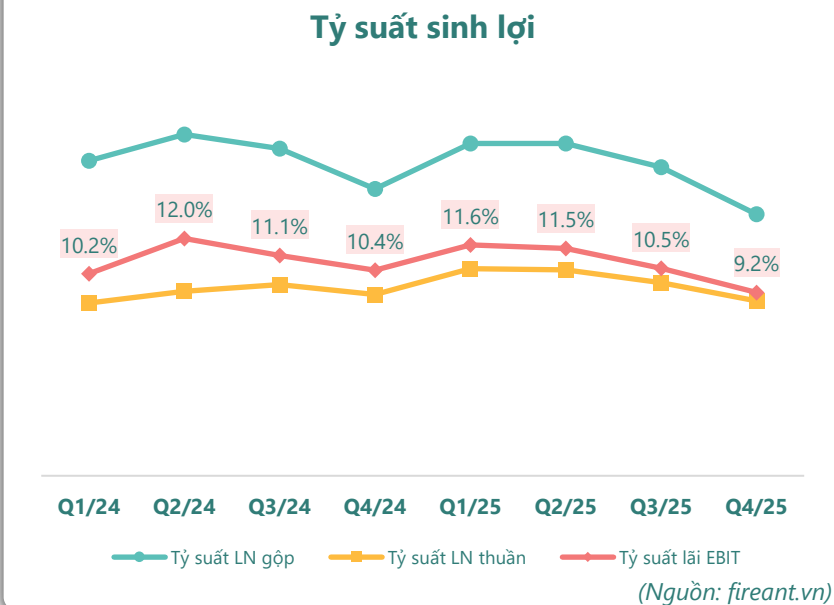
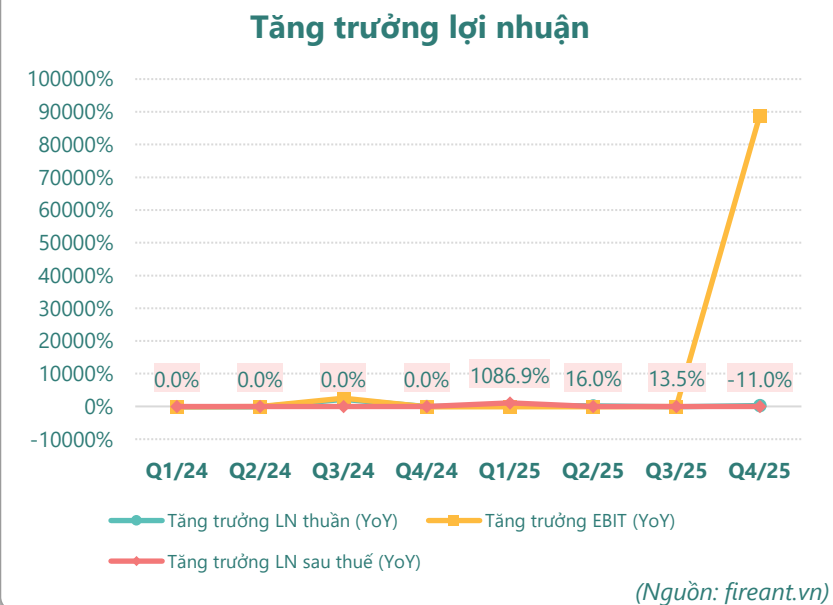
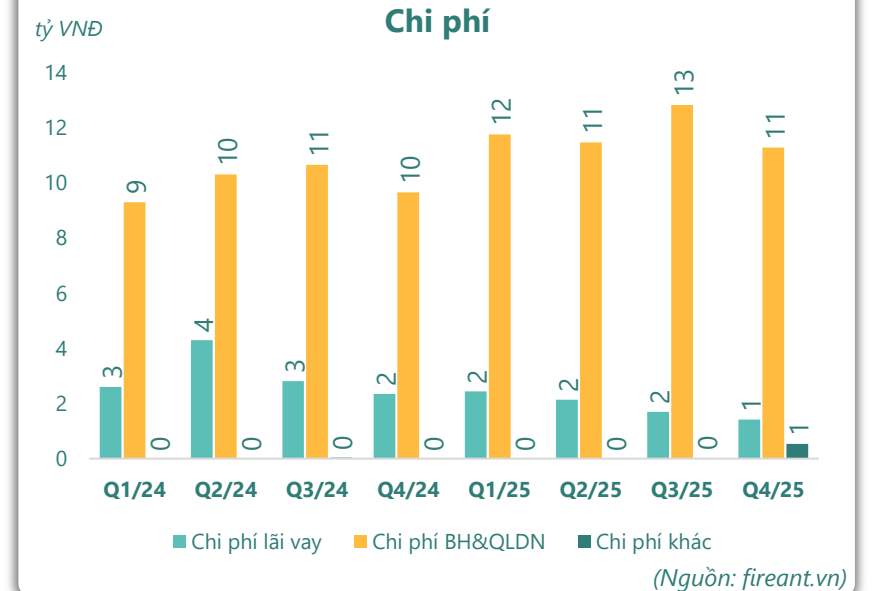
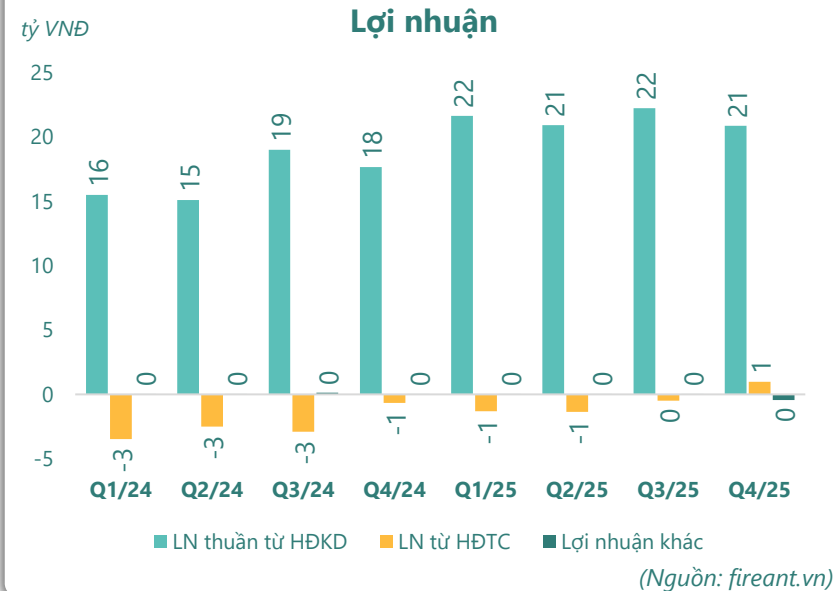
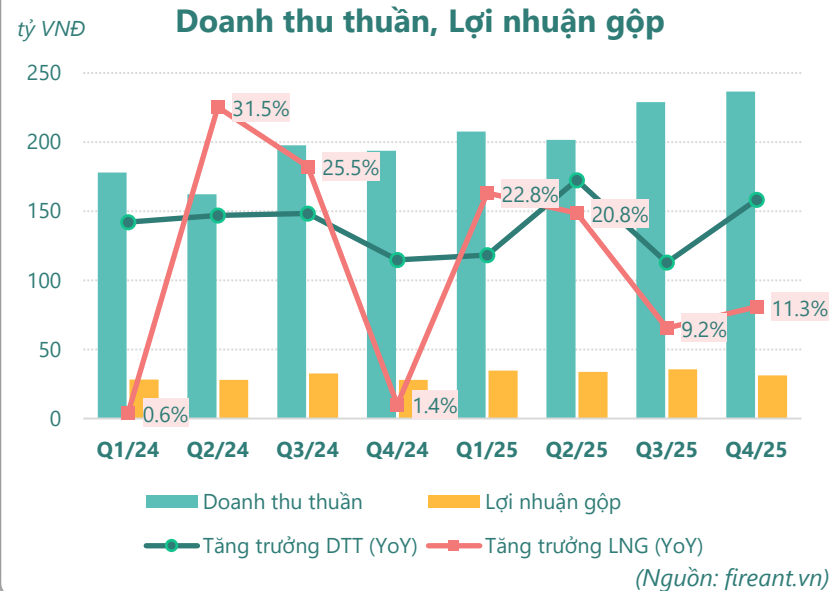
68.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 13.3 | 24.3%



KẾT QUẢ KINH DOANH

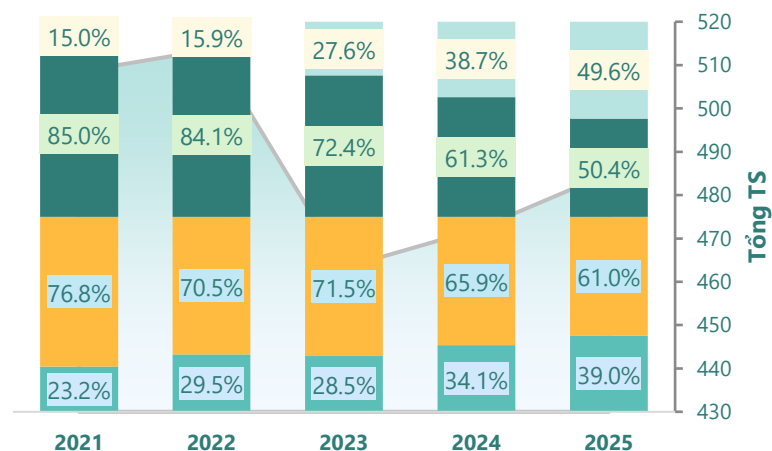




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

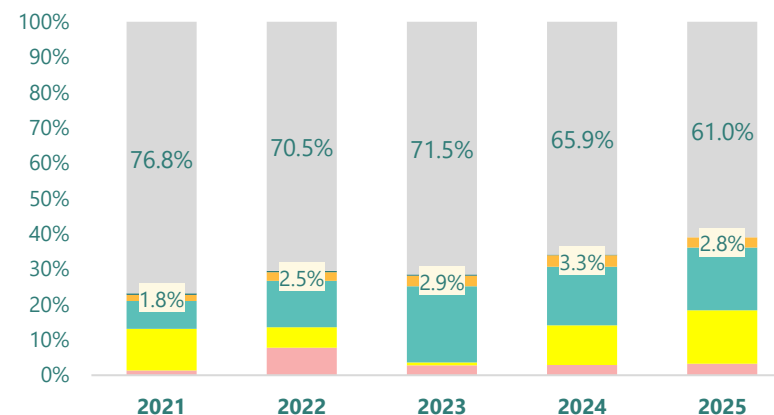
tỷ VNĐ



Tổng tài sản TS ngắn hạn TS dài hạn Nợ phải trả Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

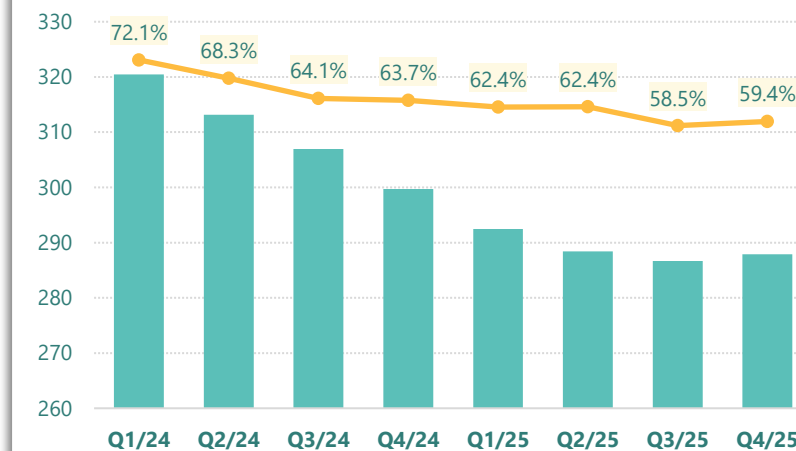


Tiền và TĐ tiền Đầu tư TC ngắn hạn Phải thu ngắn hạn Hàng tồn kho TS dài hạn TS ngắn hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

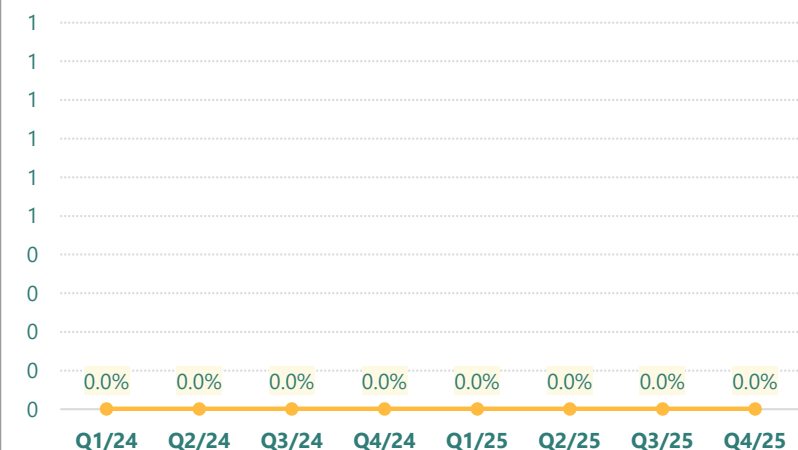


Tài sản cố định TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

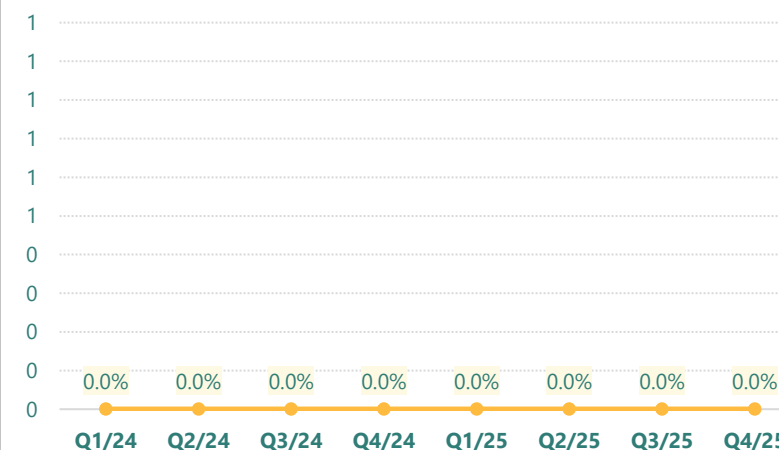


Tài sản dở dang TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

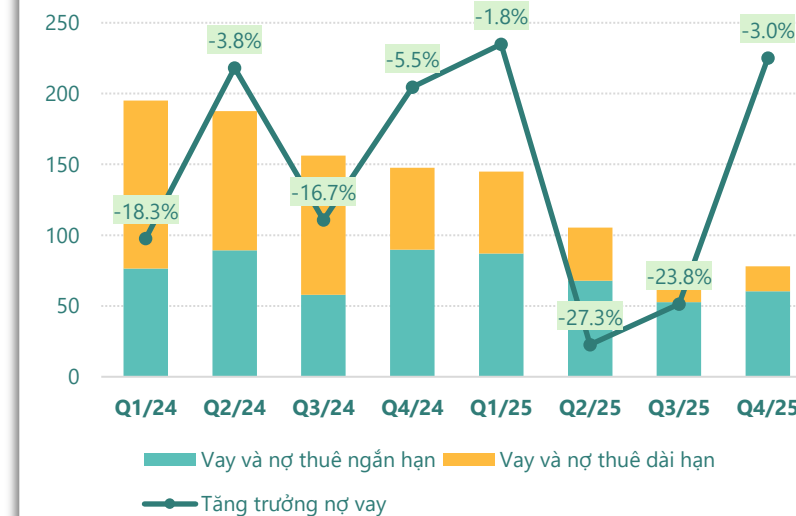


Đầu tư tài chính dài hạn ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



Vay và nợ thuê ngắn hạn Vay và nợ thuê dài hạn Tăng trưởng nợ vay

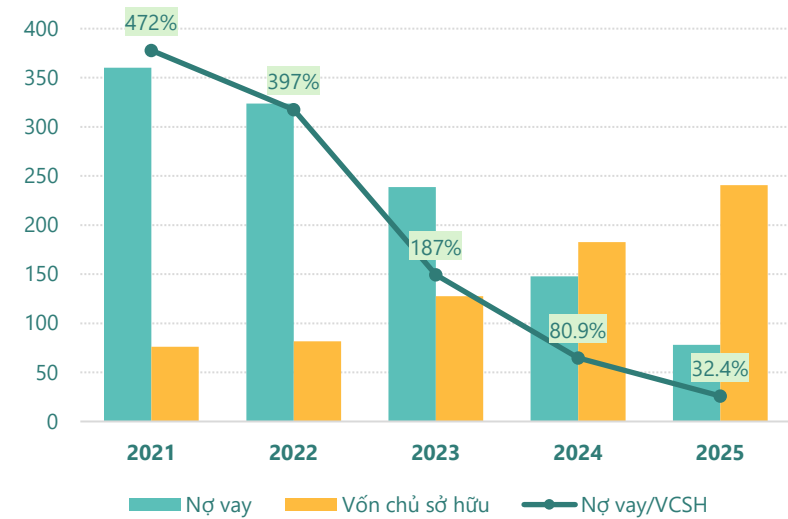
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

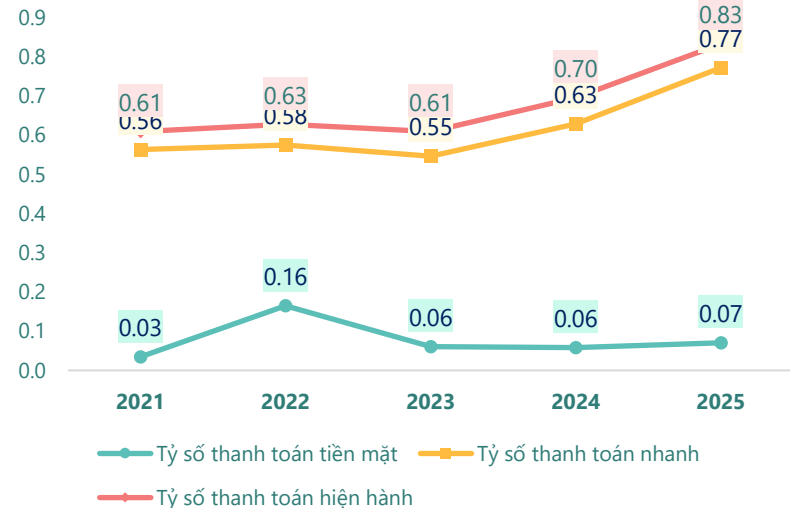
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



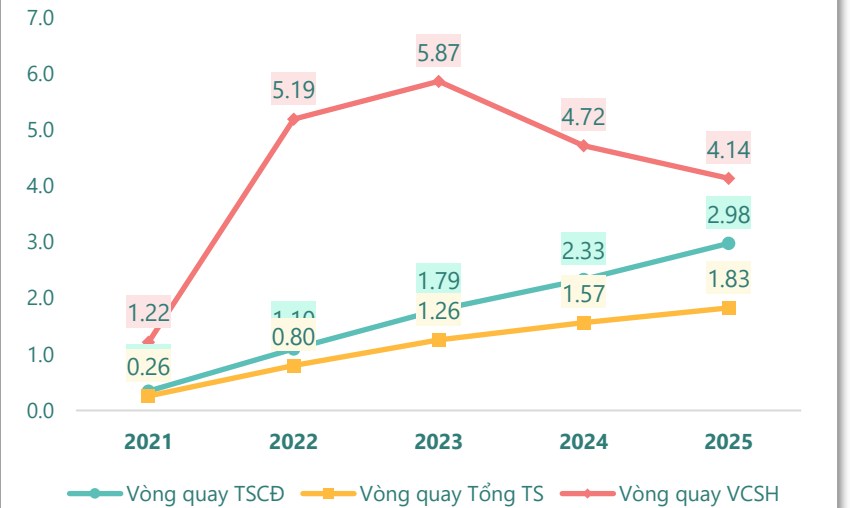
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



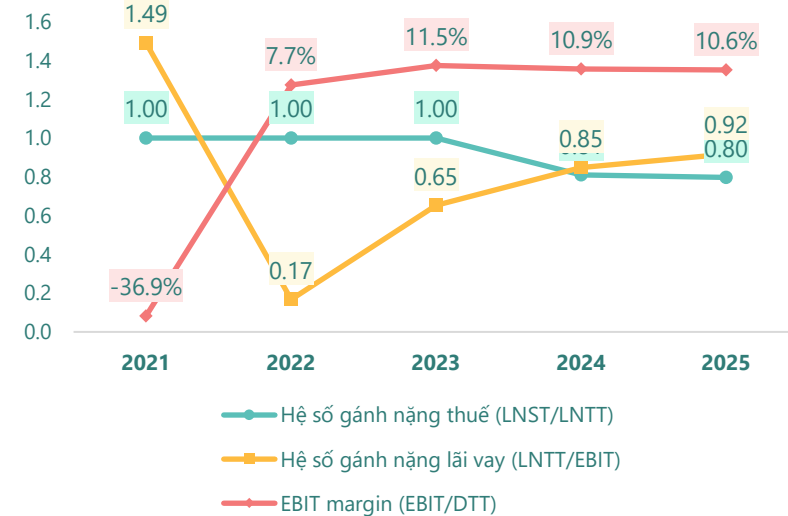
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



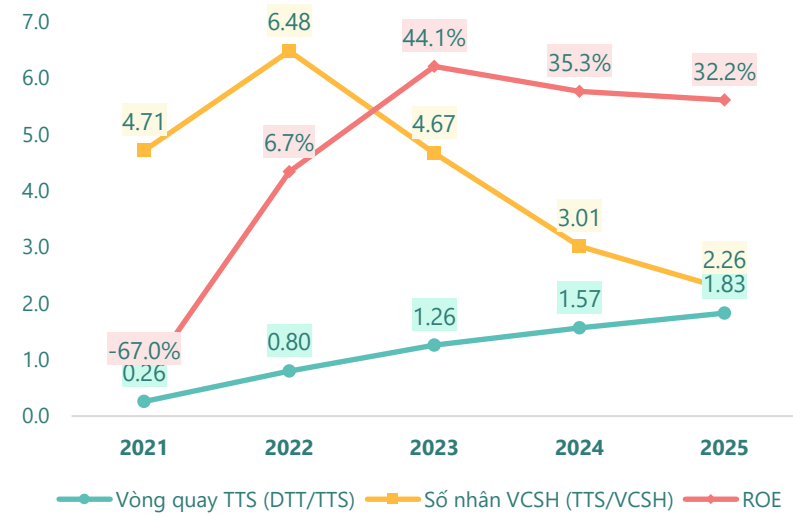
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



(Nguồn: fireant.vn)

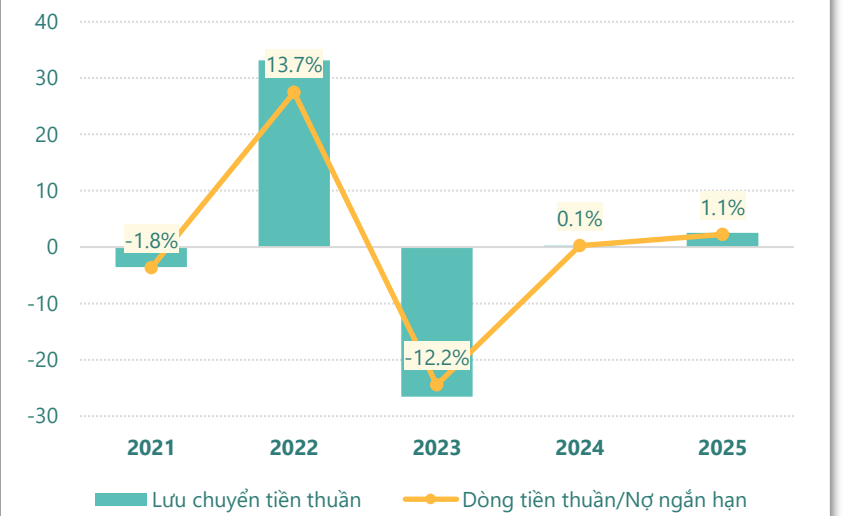
Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	237	194	22.0%	875	732	19.5%
Giá vốn hàng bán	205	166	23.8%	739	615	20.2%
Lợi nhuận gộp	31.2	28.0	11.4%	135	117	15.7%
Doanh thu HĐTC	2.58	1.81	42.5%	5.95	2.80	113%
Chi phí TC	1.60	2.48	-35.6%	8.13	12.4	-34.2%
Chi phí lãi vay	1.42	2.35	-39.5%	7.70	12.1	-36.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	3.59	3.22	11.4%	15.6	13.9	12.7%
Chi phí QLDN	7.71	6.44	19.8%	31.8	26.1	21.8%
LN thuần từ HĐKD	20.9	17.7	18.0%	85.8	67.4	27.2%
Lợi nhuận khác	-0.43	0.03	-1523%	-0.36	0.17	-309%
LN trước thuế	20.5	17.7	15.6%	85.4	67.6	26.3%
Lợi nhuận sau thuế	16.1	12.8	25.7%	68.1	54.8	24.3%
LNST của CĐ cty mẹ	16.1	12.8	25.7%	68.1	54.8	24.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	48.9	7.22	-13.8	51.8	46.0	22.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-50.5	1.04	30.8	-24.0	-17.0	-23.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-31.4	-8.52	-2.68	-39.5	-25.1	-2.39
Tiền đầu kỳ	46.7	13.5	13.5	27.9	16.0	20.0
Lưu chuyển tiền thuần	-32.9	-0.26	14.3	-11.8	3.91	-3.92
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.30	0.26	0.16	-0.15	0.02	-0.05
Tiền cuối kỳ	13.5	13.5	27.9	16.0	20.0	16.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	485	472	2.8%
Tài sản ngắn hạn	189	161	17.3%
Tiền và tương đương tiền	16.0	13.5	18.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	73.0	53.0	37.7%
Phải thu ngắn hạn	86.3	78.5	9.9%
Hàng tồn kho	13.8	15.4	-10.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.77	-100%
Tài sản dài hạn	296	311	-4.8%
Phải thu dài hạn	1.44	0.56	156%
Tài sản cố định	288	300	-3.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	6.67	10.6	-37.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	244	290	-15.6%
Nợ ngắn hạn	227	232	-2.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	60.4	89.8	-32.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	78.5	74.9	4.8%
Nợ dài hạn	17.5	57.9	-69.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	17.5	57.9	-69.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	241	182	31.8%
Vốn chủ sở hữu	241	182	31.8%
Vốn điều lệ	179	179	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

